

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục
“Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 –
Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Công văn số 4480/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 25/10/2024 của Ban Kinh doanh phát triển thị trường về việc triển khai Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT ngày 22/10/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt quy hoạch mặt bằng quảng cáo điều chỉnh, bổ sung tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2024 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các dịch vụ, vị trí, mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 3153/QĐ-HĐQT ngày 09/07/2025 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án giá tối thiểu các vị trí, mặt bằng bổ sung, điều chỉnh tại Nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 4016/QĐ-CHKQTTSN ngày 24/07/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ chuyên gia lựa chọn đơn vị thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 5136/QĐ-CHKQTTSN ngày 22/09/2025 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc kiện toàn nhân sự Tổ thẩm định lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 15/12/2025 về việc Trình duyệt kế hoạch

lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”,

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 16 / 12/2025 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

1. **Tên hạng mục:** Cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. **Bên mời hợp tác:** Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

3. **Thông tin về địa điểm, vị trí mặt bằng quảng cáo**

- Địa điểm: Khu vực nhà ga hành khách T3 – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Vị trí mặt bằng:

TIA tổ chức lựa chọn đối tác cho **20 (hai mươi)** vị trí mặt bằng quảng cáo tại nhà ga hành khách T3. Các vị trí mặt bằng quảng cáo liền kề, cùng khu vực được gộp lại và phân chia thành các gói với quy mô về diện tích theo **Bảng kê chi tiết số 1** đính kèm.

- Bản vẽ bố trí vị trí mặt bằng quảng cáo đính kèm HSMTG.
- ❖ Diện tích quảng cáo có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận vị trí mặt bằng quảng cáo/Biên bản nghiệm thu lắp đặt quảng cáo.

4. **Phương án cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo**

4.1 **Phần tham gia của các bên**

a. **TIA**

Quyền khai thác mặt bằng được quy hoạch làm dịch vụ quảng cáo tại nhà ga hành khách T3 - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

b. **Đối tác**

Đầu tư cơ sở vật chất và vận hành quảng cáo, bao gồm các công việc: thiết kế, thi công, lắp đặt bảng quảng cáo; vận hành, khai thác; cải tạo, sửa chữa bảng quảng cáo để cung cấp dịch vụ theo tiêu chuẩn qui định.

NG
TÂN
NHÀ
CẢNG
VIỆ
T

4.2 Phương án cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo

$$[Mt] = [Đg] \times [Dt]$$

Trong đó:

- Mt: Mức thu cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo;
- Đg: Đơn giá cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo;
- Dt: Diện tích vị trí mặt bằng cho thuê quảng cáo hoặc đối tượng xác định để tính mức thu (chưa bao gồm thuế GTGT).

4.3 Đơn giá tối thiểu cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo

TIA mời các đơn vị tham gia lựa chọn với đơn giá cho thuê vị trí mặt bằng quảng cáo tối thiểu cho từng vị trí mặt bằng theo **Bảng kê chi tiết số 2** đính kèm HSMTG.

- ❖ Đơn giá thuê chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, chi phí thi công, lắp đặt, cấp nguồn điện và các chi phí khác (nếu có).

5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: **03 (ba)** năm kể từ ngày ký Biên bản Xác nhận nghiệm thu vị trí mặt bằng quảng cáo đưa vào khai thác.

6. Tổ chức và tham gia lựa chọn

6.1 Nguyên tắc tổ chức lựa chọn đối tác:

- Các đơn vị được tùy chọn tham gia hợp tác các vị trí mặt bằng quảng cáo, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của đơn vị;
- Đảm bảo cạnh tranh, hướng đến hiệu quả kinh doanh.

6.2 Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi.

6.3 Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 12/2025.

6.4 Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

6.5 Phạm vi tham gia lựa chọn:

- Số lượng vị trí mặt bằng quảng cáo đơn vị được tham gia: không hạn chế.
- Số lượng vị trí đơn vị bắt buộc phải tham gia theo gói:
 - + 09 vị trí (mã vị trí từ DAQ43 đến mã vị trí DAQ51) - 1 gói;
 - + 04 vị trí (mã vị trí từ DAQ52 đến mã vị trí DAQ55) - 1 gói;
 - + 04 vị trí (mã vị trí từ DAQ56 đến mã vị trí DAQ59) - 1 gói;

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC**Đặng Ngọc Cương**

525-0
IG
G QUỐC
NHẤT
ÔNG CÔI
IG KHÔ
M-CTC
HỒ C

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ 1
QUY MÔ VỀ KHU VỰC, VỊ TRÍ, DIỆN TÍCH, HÌNH THỨC QUẢNG CÁO

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Phạm vi tham gia lựa chọn	
I Khu vực làm thủ tục ga đi, tầng 3				1	Dài (m)	Cao (m)	Số mặt	49,50			
1	DDC22	Khu vực hạn chế ANSC VIP, trên trụ đặt miệng gió	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	(11,5 + 2,5+2,5)			3	49,50	+4,00	
II Khu vực cách ly ga đi, tầng 3				2				272,00			
2	DDQ20	Khu vực vách kính thông tầng cánh trái	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	17,00	8,00	1	136,00	+9,00		
3	DDQ21	Khu vực vách kính thông tầng cánh phải	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	17,00	8,00	1	136,00	+9,00		
III Khu vực cách ly ga đến, tầng 2				17				175,53			
4	DAQ43	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 1-2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	1 gói	
5	DAQ44	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 2-3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	(1,25+2,4)*2,75			2	20,08		+0,0
6	DAQ45	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 3-4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0		
7	DAQ46	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 4-5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0		
8	DAQ47	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 5-6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	3	10,31	+0,0		
9	DAQ48	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 6-7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0		
10	DAQ49	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 7-8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	3	10,31	+0,0		
11	DAQ50	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 8-9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	(1,25+2,4)*2,75			2	20,08	+0,0	
12	DAQ51	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 9-10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	1 gói	
13	DAQ52	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50		
14	DAQ53	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50		
15	DAQ54	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50		
16	DAQ55	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50		
17	DAQ56	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50		
18	DAQ57	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50		1 gói
19	DAQ58	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50		
20	DAQ59	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50		
		Tổng cộng:		20				497,03			

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ 2
ĐƠN GIÁ CHO CÁC VỊ TRÍ MẶT BẰNG QUẢNG CÁO TỐI THIỂU

STT	Mã vị trí	Thuyết minh vị trí	Hình thức quảng cáo	Số lượng (bảng)	Kích thước			Tổng cộng diện tích/bảng (m2)	Cao độ đáy bảng (m)	Đơn giá tối thiểu (VNĐ/m2/tháng)	Phạm vi tham gia lựa chọn
I Khu vực làm thủ tục ga đi, tầng 3											
1	DDC22	Khu vực hạn chế ANSC VIP, trên trụ đặt miệng gió	Màn hình Led/hộp đèn Led	1				49,50			
					1	(11,5 + 2,5+2,5)		3	49,50	+4,00	6.000.000
II Khu vực cách ly ga đi, tầng 3											
2	DDQ20	Khu vực vách kính thông tầng cánh trái	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	17,00	8,00	1	136,00	+9,00	6.000.000	
3	DDQ21	Khu vực vách kính thông tầng cánh phải	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	17,00	8,00	1	136,00	+9,00	6.000.000	
III Khu vực sảnh ga đến, tầng 2											
4	DAQ43	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 1-2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	6.000.000	1 gói
5	DAQ44	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 2-3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	(1,25+2,4)*2,75		2	20,08	+0,0	6.000.000	
6	DAQ45	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 3-4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	6.000.000	
7	DAQ46	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 4-5	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	6.000.000	
8	DAQ47	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 5-6	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	3	10,31	+0,0	6.000.000	
9	DAQ48	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 6-7	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	6.000.000	
10	DAQ49	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 7-8	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	3	10,31	+0,0	6.000.000	
11	DAQ50	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 8-9	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	(1,25+2,4)*2,75		2	20,08	+0,0	6.000.000	
12	DAQ51	Khu vực cách ly ga đến, giữa băng chuyền số 9-10	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	1,25	2,75	4	13,75	+0,0	6.000.000	
1 gói											
13	DAQ52	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50	8.000.000	1 gói
14	DAQ53	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A1	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50	8.000.000	
15	DAQ54	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50	8.000.000	
16	DAQ55	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A2	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,50	2,30	1	5,75	+0,50	8.000.000	
17	DAQ56	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50	8.000.000	1 gói
18	DAQ57	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A3	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50	8.000.000	
19	DAQ58	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50	8.000.000	
20	DAQ59	Khu vực cách ly ga đến, hai bên cửa đến A4	Màn hình Led/hộp đèn Led	1	2,30	2,50	1	5,75	+0,50	8.000.000	
Tổng cộng:				20				497,03			